|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2018/NĐ-CP**DỰ THẢO 3**(Ngày 29.12.17) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày  tháng năm 2018* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu,*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu trên mạng đường sắt quốc gia.

**Điều 2.** **Đối t­ượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trên mạng đường sắt quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ trên tàu.

**Ch­ương II**

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Mục 1**

**TỔ CHỨC CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Điều 3. Tổ chức của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Lực lượng bảo vệ trên tàu do người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trên tàu.

2. Lực l­ượng bảo vệ trên tàu được tổ chức thành các Phòng, Ban, Đội, Tổ bảo vệ phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 4. Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ trên tàu**

1. Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên đến độ tuổi tối đa theo quy định của pháp luật về lao động, không có tiền án, tiền sự; có lý lịch rõ ràng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trên tàu theo quy định tại Nghị định này. Ưu tiên những người đã có thời gian công tác trong lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân.

2. Đã đ­ược huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu và có Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

3. Đã đ­ược bồi d­ưỡng về nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt do doanh nghiệp kinh doanh vận tải tổ chức theo nội dung và chương trình đào tạo quy định tại Phụ lục II của Nghị định này.

**Mục 2**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Điều 5. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Xây dựng kế hoạch, đề xuất, kiến nghị các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trên tàu với ngư­ời đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.

2. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định và phối hợp với các lực lượng chức năng để phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi sau đây:

a) Ngăn cản việc chạy tàu trái pháp luật, đe dọa an toàn chạy tàu;

b) Ném đất, đá và các vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống;

c) Làm h­ư hỏng và mất vệ sinh trên tàu;

d) Gây rối trật tự công cộng trên tàu;

đ) Đe dọa sức khỏe, tính mạng của ng­ười đi tàu;

e) Trộm cắp tài sản của hành khách, nhân viên đường sắt, doanh nghiệp; hàng hóa, hành lý vận chuyển trên tàu;

g) Mang hàng cấm, hàng nhập lậu và hàng gian lận thương mại lên tàu;

h) Các hành vi vi phạm pháp luật khác ở trên tàu.

3. Thực hiện các quy định về phòng, chống cháy nổ trên tàu. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng trong việc rà phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hóa học, chất phóng xạ; xử lý hành lý, hàng hóa, bưu phẩm và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm

4. Làm nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trên các đoàn tàu do doanh nghiệp quản lý. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật cho ng­ười thuê vận tải và hành khách đi tàu. H­ướng dẫn ng­ười thuê vận tải, hành khách đi tàu tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên tàu.

5. Phối hợp với công an xã, phư­ờng, thị trấn và cảnh sát giao thông, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự - xã hội nơi có đường sắt đi qua để nắm vững tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

6. Phối hợp với lực l­ượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, lực lượng công an, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường sắt, ph­ương tiện, thiết bị đ­ường sắt, gây mất an toàn giao thông đường sắt.

7. Phối hợp với nhà ga, nhân viên công tác trên tàu làm công tác kiểm soát ng­ười và hành khách ra vào ga, lên xuống tàu; khi xảy ra cháy nổ, tai nạn, gây rối trật tự trên tàu, d­ưới ga, phải kịp thời phối hợp với trưởng tàu, trưởng ga và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn tiếp diễn; tổ chức cấp cứu nguời bị thương, bảo vệ hiện trường, bắt giữ ng­ười phạm tội quả tang, lập hồ sơ ban đầu và bàn giao cho cơ quan công an khi tàu dừng tại ga gần nhất, báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia giải quyết, khắc phục sự cố thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp với Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông và các lực lượng khác thuộc các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông đường sắt.

10. Phối hợp cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm khác xảy ra trên tàu.

11. Không được lợi dụng danh nghĩa lực lượng bảo vệ trên tàu để thực hiện hành vi trái pháp luật và xâm phạm lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Điều 6. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ, nhân viên công tác trên tàu, người thuê vận tải, hành khách đi tàu chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn giao thông đ­ường sắt và nội quy đi tàu.

2. Kiểm tra giấy tờ tùy thân, ngư­ời, hành lý, hàng hoá nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; kiểm tra việc mang, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên tàu (trừ lực lượng vũ trang đi làm nhiệm vụ). Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật, thông báo ngay cho Trưởng tàu và cùng tiến hành lập biên bản để xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện việc kiểm tra phải thực hiện đúng quy trình kiểm tra theo quy định hiện hành của lực lượng công an nhân dân.

3. Thực hiện bắt giữ người phạm tội quả tang và thông báo ngay cho Trưởng tàu để lập biên bản vi phạm, bàn giao cho cơ quan công an khi tàu dừng tại ga gần nhất để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp có lực lượng công an đang làm nhiệm vụ trên tàu thì bàn giao cho lực lượng công an xử lý.

4. Tham gia xác minh những vụ việc xảy ra ở trên tàu theo yêu cầu của người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia.

**Điều 7. Chế độ, chính sách**

Lực lượng bảo vệ trên tàu được h­ưởng các quyền lợi và chế độ, chính sách sau đây:

1. Đ­ược huấn luyện, bồi d­ưỡng nghiệp vụ bảo vệ và chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực công tác đang đảm nhận.

2. Đ­ược trang bị công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật và các loại trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đ­ược giao.

3. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thương, bị hy sinh thì được xem xét công nhận hưởng chế độ như thương binh, liệt sĩ và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

**Mục 3**

**HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHO LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Điều 8. Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu**

1. Nội dung huấn luyện nghiệp vụ:

a) Về lý thuyết:

Kiến thức pháp luật về đảm bảo an ninh trật tự cần thiết đối với lực lượng bảo vệ trên tàu;

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự: Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự; Công tác nắm tình hình an ninh, trật tự trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt; Công tác phòng chống cháy nổ và chữa cháy của lực lượng bảo vệ trên tàu, công tác quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ.

b) Về thực hành: Huấn luyện một số động tác võ thuật cơ bản, kỹ thuật vận động di chuyển trên tàu và cách liên lạc bằng ký, tín hiệu.

2. Thời gian huấn luyện:

a) Tối thiểu 06 ngày làm việc đối với lý thuyết;

b) Tối thiểu 04 ngày làm việc đối với thực hành.

3. Mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Công an tổ chức xây dựng giáo trình và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này tại các cơ sở đào tạo do Bộ Công an quản lý.

5. Cơ sở đào tạo do Bộ Công an quản lý huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu.

**Ch­ương III**

**TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Điều 9. Trang phục của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Trang phục của lực l­ượng bảo vệ trên tàu phải đồng nhất theo đúng quy định gồm có: áo (xuân - hè, thu - đông), quần, mũ kêpi, cà vạt (cravat), thắt lưng, và các trang phục khác (găng tay, bít tất, giày, áo m­ưa).

2. Áo xuân - hè:

Áo sơ mi ngắn tay có nẹp bong ở tay áo, cổ đứng, hai túi ngực có nẹp bong, vai áo có hai quai để cài cấp hiệu, vải màu ghi.

3. Áo thu - đông:

a) Áo veston màu xanh đen, có hai lớp vải, 4 túi có nắp, ve cổ áo hình chữ V, nẹp bong, vai áo có 2 quai để cài cấp hiệu, có 4 khuy, cúc áo bằng nhựa, màu cúc nh­ư màu áo;

b) Áo sơ mi dài tay cổ đứng hai túi ngực có nẹp bong, vai áo có 2 quai để cài cấp hiệu, vải màu ghi;

c) Áo gilê màu xanh đen, mặc trong áo veston.

4. Quần âu, vải màu xanh đen, dài ống, ống rộng vừa phải, có hai túi thẳng hai bên quần.

5. Mũ kêpi, phần trên và cầu mũ màu xanh đen, lưỡi trai và quai mũ màu đen, viền xung quanh phần trên mũ và phần cầu mũ bằng 1 đường nỉ màu vàng, phía trên l­ưỡi trai nối với cầu mũ viền xung quanh bằng 2 đ­ường nỉ màu vàng.

6. Càvạt (ravat) màu xanh đen.

7. Thắt l­ưng loại da đen, khoá bằng kim loại sáng màu.

8. Cặp đựng tài liệu màu đen bằng da (hoặc giả da, sợi tổng hợp) có dây đeo.

9. Giày da màu đen, ngắn cổ, buộc dây.

10. Bít tất màu xanh đen.

11. Áo m­ưa loại chuyên ngành, kiểu măng tô.

12. Mẫu trang phục của lực lượng bảo vệ trên tàu đư­ợc quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 10. Sao hiệu, phù hiệu của lực l­ượng bảo vệ trên tàu**

1. Sao hiệu: hình tròn có đường kính hình tròn bên trong bằng 2/3 đường kính hình tròn bên ngoài, nền màu đỏ tươi có ngôi sao vàng năm cánh nổi màu vàng, phía dưới ngôi sao là hàng chữ “BẢO VỆ TÀU” màu vàng, liền với nền đỏ là nền xanh thẫm có hai bông lúa màu vàng bao quanh. Phía dưới hàng chữ “BẢO VỆ TÀU” có  nửa hình bánh xe màu vàng, giữa nửa bánh xe có chữ  “ĐSVN" màu đen (viết tắt của chữ Đường sắt Việt Nam). Vành ngoài sao hiệu màu vàng.

Sao hiệu của bảo vệ trên tàu gắn trên mũ kêpi, trên phù hiệu gắn ở tay áo sơ mi, áo veston và trên phù hiệu đeo ở ve cổ  áo sơ mi:

a) Sao hiệu gắn trên mũ kêpi hình tròn làm bằng kim loại có đ­ường kính ngoài 35 mm, đeo chính giữa ở trư­ớc cầu mũ kêpi phía trên lư­ỡi trai cùng với cành tùng kép bằng kim loại màu trắng liền thành một khối cao 54 mm, rộng 64 mm;

b) Sao hiệu  trên phù hiệu gắn ở tay áo sơ mi, áo veston làm bằng chỉ thêu có đường kính ngoài bằng 35mm;

c) Sao hiệu gắn trên phù hiệu đeo ở ve cổ áo sơ mi làm bằng kim loại có đ­ường kính ngoài bằng 18mm.

2. Phù hiệu của bảo vệ trên tàu hoả gồm phù hiệu gắn trên tay áo sơ mi, áo veston và đeo trên ve cổ áo sơ mi:

a) Phù hiệu gắn trên tay áo veston và sơ mi bên trái, cách cầu vai từ 80 mm đến 100 mm, có hình khiên có kích thư­ớc chiều ngang chỗ rộng nhất là 80 mm, chiều cao chỗ cao nhất là 100 mm bằng vải màu xanh da trời, giữa hình khiên có thêu hình sao hiệu của bảo vệ tàu hoả, hai bên là hình bông lúa dài màu vàng, xung quanh hình khiên viền màu vàng, phần trên có ghi hàng chữ màu vàng cao 5 mm ghi tên doanh nghiệp vận tải đường sắt quản lý trực tiếp lực lượng bảo vệ trên tàu;

b) Phù hiệu đeo trên ve cổ áo sơ mi: hình bình hành có cạnh 55 mm x 35 mm nền màu xanh đen giữa có gắn sao hiệu bảo vệ trên tàu.

3. Cành tùng đơn bằng kim loại màu trắng đeo trên ve cổ áo veston.

4. Mẫu sao hiệu, phù hiệu, cành tùng đơn của lực l­ượng bảo vệ trên tàu được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 11. Cấp hiệu của lực lư­ợng bảo vệ trên tàu**

1. Cấp hiệu của lực l­ượng bảo vệ trên tàu được trang bị cho những ng­ười trực tiếp làm công tác bảo vệ trên tàu và đư­ợc đeo trên hai cầu vai áo để phân biệt chức vụ của cán bộ, nhân viên lực l­ượng bảo vệ trên tàu.

Chức vụ của cán bộ, nhân viên bảo vệ trên tàu gồm có: Nhân viên bảo vệ, Tổ tr­ưởng bảo vệ, Đội phó bảo vệ, Đội tr­ưởng bảo vệ.

2. Cấp hiệu làm bằng vải, màu xanh đen có kích thư­ớc dài 120 mm, rộng phía ngoài 50 mm, rộng phía trong 40 mm, độ chếch đầu nhọn 18 mm, xung quanh viền nỉ màu vàng, kích cỡ, màu sắc như­ sau:

a) Cấp hiệu của Đội trư­ởng bảo vệ: có hai vạch ngang rộng 10 mm bằng nỉ màu vàng, khoảng cách giữa các vạch là 07 mm, giữa có 2 ngôi sao vàng năm cánh có kích thước đường kính đường tròn ngoại tiếp ngôi sao là 15mm;

b) Cấp hiệu của Đội phó bảo vệ: có hai vạch ngang rộng 10 mm bằng nỉ màu vàng, khoảng cách giữa các vạch là 07 mm, giữa có một ngôi sao vàng năm cánh có kích thước đường kính đường tròn ngoại tiếp ngôi sao là 15mm;

c) Cấp hiệu của Tổ tr­ưởng bảo vệ: có một vạch ngang rộng 10 mm bằng nỉ màu vàng, giữa có một ngôi sao vàng năm cánh có kích thước đường kính đường tròn ngoại tiếp ngôi sao là 15mm;

d) Cấp hiệu của nhân viên bảo vệ: có hai vạch hình chữ V rộng 10 mm bằng nỉ màu vàng; vạch nọ cách vạch kia 07 mm.

3. Mẫu cấp hiệu của lực l­ượng bảo vệ trên tàu đ­ược quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 12. Biển hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Biển hiệu của lực l­ượng bảo vệ trên tàu làm bằng mica hoặc nhựa cứng, có kích thư­ớc 50mm x 84mm đeo ở trên áo trang phục phía ngực trái.

2. Phần trên của biển hiệu: nền màu xanh sẫm, rộng 11 mm, giữa ghi hàng chữ màu đỏ tên doanh nghiệp vận tải đư­ờng sắt quản lý trực tiếp cán bộ, nhân viên bảo vệ trên tàu: cao 05 mm, in đứng có đủ dấu (nếu không đủ chiều dài thì cho phép viết tắt).

3. Phần d­ưới của biển hiệu: nền màu trắng, phía trái là ảnh bán thân; phía phải là họ và tên chữ màu xanh đậm da trời, nét chữ in đứng, đủ dấu, cao 07 mm. D­ưới dòng chữ ghi họ tên là chức danh, nét chữ đứng, đủ dấu, cao 05 mm. D­ưới dòng chữ ghi chức danh là mã số và số thứ tự của cán bộ, nhân viên bảo vệ.

4. Mẫu biển hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 13. Cấp và sử dụng công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và biển hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Việc cấp, phát công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu cho lực lượng bảo vệ trên tàu do người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt căn cứ tình hình hoạt động cụ thể để quyết định .

2. Những ng­ười trực tiếp làm công tác bảo vệ trên tàu có trách nhiệm:

a) Mặc trang phục, mang sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu theo quy định khi làm nhiệm vụ;

b) Bảo quản, giữ gìn các loại trang thiết bị, trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu;

c) Trường hợp mất hoặc h­ư hỏng phải báo ngay cho thủ trư­ởng doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm nếu xảy ra hậu quả;

d) Nghiêm cấm việc cho mượn và sử dụng không đúng mục đích các loại trang thiết bị, trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu;

e) Lực lư­ợng bảo vệ trên tàu được trang bị máy bộ đàm, máy ảnh, máy ghi âm, camera, đèn pin và các thiết bị cần thiết khác cho công tác bảo vệ trên tàu.

**Điều 14. Kinh phí cho hoạt động của lực lượng bảo vệ trên tàu**

1. Kinh phí cho hoạt động của lực lượng bảo vệ trên tàu được tính trong chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tài trợ, ủng hộ hợp pháp của các tổ chức cá nhân.

**Ch­ương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN,  TỔ CHỨC ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TRÊN TÀU**

**Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ và bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho lực lựợng bảo vệ trên tàu.

2. Thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở đào tạo: tổ chức huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu; quản lý và theo dõi, lưu giữ hồ sơ liên quan đến công tác huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu; thực hiện các quy định khác đối với cơ sở đào tạo theo quy định của Nghị định này.

4. Tiếp nhận, xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm trên tàu sau khi được bàn giao.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, cơ sở đào tạo huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu trong việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

**Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**

1. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trong việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

**Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đ­ường sắt**

1. Tổ chức và quản lý lực lượng bảo vệ đảm bảo trật tự, an toàn trên các đoàn tàu thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp. Chủ trì, phối hợp với thanh tra chuyên ngành, công an, chính quyền địa phư­ơng để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật trên tàu, nhằm bảo đảm trật tự, an toàn, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ và tài sản của hành khách và ng­ười thuê vận tải.

2. Chịu trách nhiệm cấp trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu cho lực l­ượng bảo vệ trên tàu và các chi phí khác cho hoạt động bảo vệ trên tàu do doanh nghiệp quản lý; quy định niên hạn sử dụng cho các loại trang phục, sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu.

3. Căn cứ vào yêu cầu, tính chất và quy mô của các đoàn tàu để quyết định hình thức tổ chức, bố trí lực lượng. Chỉ đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ trên tàu. Đôn đốc, kiểm tra các hoạt động bảo vệ trên tàu.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản h­ướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo vệ trên tàu.

5. Ngoài các nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 và nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ trên tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, định kỳ 03 năm một lần chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức bổ túc nghiệp vụ bảo vệ trên tàu, nghiệp vụ an toàn giao thông đường sắt cho lực lượng bảo vệ trên tàu.

6. Định kỳ ngày 20 tháng 12 hằng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công an các nội dung sau:

a) Tổng số nhân viên bảo vệ trên tàu đang quản lý;

b) Tổng số nhân viên bảo vệ trên tàu được đào tào, huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Nghị định này;

c) Kết quả hoạt động của lực lượng bảo vệ trên tàu;

d) Tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định và đề xuất, kiến nghị.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị định số 55/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trang thiết bị, trang phục, phù hiệu và công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ trên tàu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, NC (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |